TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **943**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Cẩm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Yến**.

2. Ông **Nguyễn Văn Có**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Bảo Ngân –** *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 518/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1809/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Â**, sinh năm: 1980; CCCD: 080180003301; Địa chỉ: F ấp F, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Â có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1978; CCCD: 079078020992; Địa chỉ: F ấp F, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/03/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Â trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2006, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2006. Thời gian đầu, bà và ông B chung sống hạnh phúc, bình thường, đến

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung, bà và ông B chung sống có hai con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 14/4/2008 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 10/9/2010. Cháu N hiện đang sống với ông B, còn cháu P đang do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu P cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P đối với ông B. Ông B muốn lo cho con bao nhiêu thì tùy vào trách nhiệm của ông B.

- Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11/05/2026 – bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Ngọc Â chung sống với nhau từ năm 2006, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2006. Thời gian đầu, ông và bà Â chung sống hạnh phúc, bình thường, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Ông và bà Â đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Â.

- Về con chung, ông và bà Â chung sống có hai con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 14/4/2008 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 10/9/2010. Cháu N hiện đang sống với ông, còn cháu P đang do bà Â chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu P cho bà Â nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P đối với ông. Ông sẽ lo cho con theo khả năng của mình, không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể.

- Về tài sản chung, ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Â khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn B, vì vậy đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn B đăng ký thương trú tại F10/1 ấp F, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 242 Quyển số 02/2006 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 08/12/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Â và ông B là hôn nhân hợp pháp được quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Theo trình bày của bà Â và ông B thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, từ năm 2023 cho đến nay sống ly thân. Vì vậy, bà Â yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý ly hôn với bà Â.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của bà Â và ông B thì mục đích hôn nhân giữa bà Â và ông B đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà Â yêu cầu ly hôn đối với ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà Â và ông B xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 14/4/2008 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 10/9/2010. Hiện cháu P đang ở với bà Â. Bà Â và ông B đều thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Hoài P cho bà Â tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 29/4/2026, cháu Nguyễn Thị Hoài P có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà Â.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hoài P cho bà Â tiếp tục nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Về cấp dưỡng, bà Â và ông B cùng xác định để ông B tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu P, do đó, Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B.

[8] Về tài sản chung: Bà Â và ông B cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà Â và ông B cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Â phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự,

Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án);

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Â đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Â được ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Â và ông Nguyễn Văn B chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 242 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 08/12/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Â và ông Nguyễn Văn B cùng xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 14/4/2008, đã thành niên và Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 10/9/2010. Hiện cháu Nguyễn Thị Hoài P đang ở với bà Nguyễn Ngọc Â.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 10/9/2010 cho bà Nguyễn Ngọc Â tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc Â và ông Nguyễn Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Â và ông Nguyễn Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Â phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Ngọc Â đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0018546 ngày 26/03/2026 Thi hành án Dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Ngọc Â đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu

cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Â và ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND xã Vĩnh Lộc, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

2 000026 065203

Trần Thị Hồng Cẩm